

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc Ban hành Quy định đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 và Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 02/2019/QĐ-UBND;

Ủy ban nhân dân huyện Thanh Thủy thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất tại các vị trí thuộc địa bàn huyện Thanh Thủy cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị, tổ chức có tài sản đấu giá

Tên tổ chức có tài sản: UBND huyện Thanh Thủy.

Địa chỉ: Khu phố, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

2. Tên tài sản, số lượng, giá trị

2.1. Tài sản thứ nhất

- Tên tài sản: Đất ở nông thôn tại khu 17 (Đồng Đa) xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Số lượng: 19 ô đất, với tổng diện tích là: 2.060,0m².

- Giá khởi điểm để đấu giá: 12.540.000 đồng, được phê duyệt tại Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu 17 (Đồng Đa) xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, Cụ thể:

TT	Ký hiệu, vị trí các ô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất	
			Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Thành tiền giá khởi điểm (đồng)
	Tổng cộng	2.060,0		12.540.000.000
I	BT1-01	180,0	6.500.000	1.170.000.000

II	BT2-02	180,0	6.500.000	1.170.000.000
III	LK1	1.700,0		10.200.000.000
1	LK1-01	100,0	6.000.000	600.000.000
2	LK1-02	100,0	6.000.000	600.000.000
3	LK1-03	100,0	6.000.000	600.000.000
4	LK1-04	100,0	6.000.000	600.000.000
5	LK1-05	100,0	6.000.000	600.000.000
6	LK1-06	100,0	6.000.000	600.000.000
7	LK1-07	100,0	6.000.000	600.000.000
8	LK1-08	100,0	6.000.000	600.000.000
9	LK1-09	100,0	6.000.000	600.000.000
10	LK1-10	100,0	6.000.000	600.000.000
11	LK1-11	100,0	6.000.000	600.000.000
12	LK1-12	100,0	6.000.000	600.000.000
13	LK1-13	100,0	6.000.000	600.000.000
14	LK1-14	100,0	6.000.000	600.000.000
15	LK1-15	100,0	6.000.000	600.000.000
16	LK1-16	100,0	6.000.000	600.000.000
17	LK1-17	100,0	6.000.000	600.000.000

2.2. Tài sản thứ hai

- Tên tài sản: Đất ở nông thôn tại khu Phần Làng, xã Đông Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Số lượng: 17 ô đất, với tổng diện tích là: 2.125,0 m².

- - Giá khởi điểm để đấu giá: 26.250.000.000 đồng, được phê duyệt tại Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Phần Làng, xã Đông Trung, huyện Thanh Thủy, Cụ thể:

TT	Ký hiệu, vị trí các ô đất	Diện tích (m²)	Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất	
			Giá đất cụ thể (đồng/m²)	Thành tiền giá khởi điểm (đồng)
	Tổng cộng	2.125,0		26.250.000.000

I	LK-01A	1.500,0		18.500.000.000
1	LK1-01	125,0	14.000.000	1.750.000.000
2	LK1-02	125,0	12.000.000	1.500.000.000
3	LK1-03	125,0	12.000.000	1.500.000.000
4	LK1-04	125,0	12.000.000	1.500.000.000
5	LK1-05	125,0	12.000.000	1.500.000.000
6	LK1-06	125,0	12.000.000	1.500.000.000
7	LK1-07	125,0	12.000.000	1.500.000.000
8	LK1-08	125,0	12.000.000	1.500.000.000
9	LK1-09	125,0	12.000.000	1.500.000.000
10	LK1-10	125,0	12.000.000	1.500.000.000
11	LK1-11	125,0	12.000.000	1.500.000.000
12	LK1-12	125,0	14.000.000	1.750.000.000
II	LK-01B	625,0		7.750.000.000
1	LK1-13	125,0	14.000.000	1.750.000.000
2	LK1-14	125,0	12.000.000	1.500.000.000
3	LK1-15	125,0	12.000.000	1.500.000.000
4	LK1-16	125,0	12.000.000	1.500.000.000
5	LK1-17	125,0	12.000.000	1.500.000.000

2.3. Tài sản thứ ba

- Tên tài sản: Đất ở đô thị tại khu 6, thị trấn Thanh Thủy (khu đất cũ trường THPT Thanh Thủy), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Số lượng: 01 ô đất, diện tích là: 240,0 m².

- Giá khởi điểm để đấu giá: 3.480.000.000 đồng, được phê duyệt tại Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu 6, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, Cụ thể:

TT	Ký hiệu, vị trí các ô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất	
			Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Thành tiền giá khởi điểm (đồng)
1	Ô đất số 20	240,0	14.500.000	3.480.000.000
Tổng cộng		240,0	14.500.000	3.480.000.000

Tổng tài sản của 03 vị trí là 37 ô đất, Diện tích: 4.425,0m², Tổng số tiền: 42.270.000.000 đồng.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá

(Chi tiết theo bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm đính kèm)

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

- Thời gian: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đăng thông báo (Nộp hồ sơ trong giờ hành chính theo quy định).

- Địa điểm: Tại phòng Tài chính- Kế hoạch - UBND huyện Thanh Thủy.

- Hồ sơ đã nộp để đăng ký tham gia không được hoàn trả lại.

UBND huyện Thanh Thủy thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết để đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND huyện (Ô .Tân);
- Trang TT điện tử UBND huyện;
- Công TTĐTQG về đấu giá TS;
- Hội đồng xử lý TSDG QSDĐ (thực hiện);
- Các Phòng: TC-KH, TN&MT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Tân

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá QSD đất)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	<i>Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá</i>	11,0
-	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
-	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>	8,0
-	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
-	Có hệ thống Camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức đang hoạt động</i>	2,0
4	<i>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tổ chức cuộc đấu giá bằng hình thức đấu giá trực tuyến</i>	1,0
5	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	4,0
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá.</i>	4,0
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá.</i>	4,0

5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá</i>	6,0
-	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng)	2,0
-	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
-	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
-	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
-	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm.</i>	18,0
-	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
-	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
-	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
-	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
-	Từ 100% trở lên	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i>	5,0
-	Dưới 03 năm	3,0
-	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
-	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</i>	3,0
-	01 đấu giá viên	1,0
-	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
-	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0

5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</i>	4,0
-	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
-	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
-	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i>	5,0
-	Dưới 50 triệu đồng	2,0
-	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
-	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
-	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</i>	3,0
-	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
-	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp (chỉ chọn chấm điểm của một trong các tiêu chí 1 hoặc 2,3)	5,0
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (tiêu chí này sẽ lựa chọn trực tiếp)	5,0
	Tổng số điểm	100,0

VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>